

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 16/2023/KDTM-GĐT

Ngày: 13/6/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đức Xuân

*Các Thẩm phán:* Ông Tô Chánh Trung

Ông Phan Thanh Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT Việt Nam.**

Trụ sở: Số XX TQK, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Công M - chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP NT Việt Nam - Chi nhánh V (Văn bản ủy quyền số 65/UQ-VLO-HCNS ngày 08/11/2021).

**2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu TC.**

Trụ sở: Số BA khóm TM, phường TQD, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng - chức vụ: Giám đốc.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xăng dầu HN; Trụ sở: đường HV, Khóm B, Phường I, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Thị U - chức vụ: Giám đốc

3.2 Bà Nguyễn Thị U;

3.3 Bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng;

Cùng địa chỉ: Số BA khóm TM, phường TQD, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Ông Đỗ Thanh Hg; Địa chỉ: V/C THD, Khóm B, Phường I, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 18/6/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT Việt Nam và trong quá trình tố tụng, ông Trần Công M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 23/12/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT Việt Nam - Chi nhánh V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có thỏa thuận cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu TC (sau đây gọi tắt là Công ty TC) vay tiền theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD- VLO.KH, hạn mức vay là 60.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì mức cho vay 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu. Ngoài ra, giữa hai bên còn ký kết các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể sau:

- Số 01/VCB.VLO-KH, ngày 16/7/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, hạn mức cho vay giảm về mức 49.500.000.000 đồng.

- Số 02/VCB.VLO-KH, ngày 17/7/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, hạn mức cho vay giảm về mức 47.000.000.000 đồng.

- Số 03/VCB.VLO-KH, ngày 18/9/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 22/12/2020.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên, Ngân hàng có nhận thế chấp tài sản theo các Hợp đồng được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 404/HĐTC-VLO KH, ngày 20/9/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 404). Tài sản thế chấp gồm công trình nhà bán hàng, trụ bơm, bồn chứa gắn liền với quyền sử dụng đất CHO7067 thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 24, diện tích

620m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 405/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/9/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 405*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số CP159122 thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.139m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 115/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/3/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 115*). Tài sản thế chấp gồm công trình nhà bán hàng, trụ bơm, bồn chứa gắn liền với quyền sử dụng đất CD071207 thuộc thửa 10, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.759m<sup>2</sup> và công trình nhà bán hàng, trụ bơm gắn liền với quyền sử dụng đất CD071206 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 24, diện tích 80m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 16/7/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 26/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03, ngày 20/9/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 116/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/3/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 116*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất CD071204 thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 24, diện tích 145,3m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 16/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 133/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 133*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BK469365 thuộc thửa 299, diện tích 500,8m<sup>2</sup> và số CC899319 thuộc thửa 103, diện tích 1.157,7m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ 27, tọa lạc tại khóm TM, phường TQD, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh Hg và Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 26/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 16/10/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 423/HĐTC-VLO.KH, ngày 16/10/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 423*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BK469365 thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 27, diện tích 500,8m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm TM, phường TQD, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 496*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BX488186

thuộc thửa 259, diện tích 210,9m<sup>2</sup> và số BX488187 thuộc thửa 260, diện tích 200,5m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ 20, tọa lạc tại Khóm B, Phường I, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh Hg và Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 138/HĐTC-VLO.KH, ngày 13/3/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 138*). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BK079999 thuộc thửa 171, diện tích 1.000,3m<sup>2</sup> và số CE330600 thuộc thửa 172, diện tích 535,8m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp PB, xã PH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh Hg và Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên. Kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 134*). Tài sản thế chấp gồm công trình cửa hàng xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất BK194645 thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 27, diện tích 500,8m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường TQD, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do Công ty TC đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 135/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 135*). Tài sản thế chấp gồm 01 xe Xitec hiệu HINO WU342L, biển số: 66C-044.34 do Công ty TC đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 497/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 497*). Tài sản thế chấp gồm 01 xe ô tô hiệu KIA SEDONA, biển số: 66A-036.62 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xăng dầu HN đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 499/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 499*). Tài sản thế chấp gồm công trình trạm xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất CN981559 thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 71, diện tích 577m<sup>2</sup>, tọa lạc xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 500/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/11/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 500*). Tài sản thế chấp gồm các quyền sử dụng đất số CO 641706 thuộc thửa 137, diện tích 358,5m<sup>2</sup> và số CO 662931 thuộc thửa số 420, diện tích 400m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp VT, xã TT, huyện TO, tỉnh V, do ông Đỗ Thanh Hg và bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 501/HĐTC-VLO.KH, ngày 30/11/2018 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng thế chấp số 501*). Tài sản thế chấp gồm công trình trạm xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất CO 641705 thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 12, diện tích 244m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp VT,

xã TT, huyện TO, tỉnh V, do ông Đỗ Thanh Hg và bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng đứng tên.

Đến hạn thanh toán nhưng Công ty TC không thanh toán; nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 30/3/2022 Công ty TC còn nợ các khoản gồm tiền nợ gốc 46.673.124.000 đồng; tiền lãi trong hạn 4.003.892.000 đồng; lãi quá hạn 1.762.649.000 đồng và lãi chậm trả 99.703.000 đồng. Tổng cộng 52.539.305.000 đồng.

Do Công ty TC đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên Ngân hàng yêu cầu Công ty TC phải thanh toán số tiền 52.539.305.000 đồng. Trường hợp Công ty TC không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Ngân hàng được quyền tiếp tục tính lãi như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

*Bị đơn Công ty TC và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xăng dầu HN, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng và ông Đỗ Thanh Hg đều không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 30/3/2022, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V đã quyết định: (tóm tắt):

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.*

*Buộc Công ty TC có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng các khoản tiền gồm:*

*Tiền gốc: 46.673.124.000 đồng. Tiền lãi: 5.866.181.000 đồng Tổng cộng làm tròn bằng 52.539.305.000 đồng. Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

*Trường hợp Công ty TC không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng thế chấp sau:*

*- Hợp đồng thế chấp số 404; số 405; số 115; số 116; số 133; số 423; số 496; số 138; số 134; số 135; số 497; số 499; số 500; số 501.*

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 18/7/2022, Công ty TC, ông Đỗ Thanh Hg và các bà Nguyễn Thị U, Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành

phố V, tỉnh V do quyết định của Tòa án nhân dân thành phố V không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty TC.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 201/QĐ-VKS-KDTM ngày 31/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V, đề nghị hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 23/12/2019, Ngân hàng thỏa thuận cho Công ty TC vay tiền theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 659/HĐTD-VLO.KH (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 659*) và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 16/7/2020; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 17/7/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 ngày 18/9/2020, hạn mức vay là 47.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 09 tháng kể từ ngày ký kết, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu. Ngân hàng đã giải ngân cho vay và Công ty TC đã nhận nợ theo các Giấy nhận nợ và Ủy nhiệm chi. Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty TC vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TC thanh toán số tiền 52.539.305.000 đồng (gồm nợ gốc 46.673.124.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.003.892.000 đồng; lãi quá hạn 1.762.649.000 đồng; lãi chậm trả 99.703.000 đồng), nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh :

[2.1] *Đối với nội dung kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng do tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thông qua ông Trần Minh Tr không có mối quan hệ huyết thống, không phải là nhân viên Công ty TC, không ở cùng địa chỉ các đương sự:*

Hồ sơ vụ án thể hiện: Công ty TC (do bà Nguyễn Thị U làm giám đốc, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng là Chủ tịch Hội đồng thành viên) có địa chỉ trụ sở tại số BA, khóm TM, phường TQD, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ này cũng chính là địa chỉ của bà Nguyễn Thị U và địa chỉ của bà Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng (có chồng là ông Đỗ Thanh Hg), Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TC. Bà

Nguyễn Nguyệt Tuyết Ng còn là Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu HN.

Tại quyền sử dụng đất thửa 103, 299 khóm TM thể hiện trên đất có cất 02 căn nhà: Nhà số BA do bà Ngân là chủ hộ; nhà số B do bà Nguyễn Thị Tuyết H là chủ hộ (ông Tr là chồng bà H). Văn phòng thừa phát lại đã tổng đạt các văn bản tố tụng trước và sau khi xét xử sơ thẩm cho người nhận là ông Trần Minh Tr.

Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn xăng dầu TC số 10/BB-HĐTV ngày 21/11/2018; Quyết định bổ nhiệm cán bộ ngày 21/11/2018 đã thể hiện ông Trần Minh Tr là Phó giám đốc Công ty TC kể từ ngày 28/11/2018. Tại Giấy ủy quyền số 02 ngày 21/12/2019, bà Nguyễn Thị U - chức vụ: Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TC đã ủy quyền cho ông Trần Minh Tr - chức vụ Phó giám đốc *“được đại diện cho Công ty TC thực hiện ký kết hợp đồng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng, giấy tờ khác có liên quan (nếu có) để vay vốn tại Ngân hàng....”*. Ngày 23/12/2019, bà Nguyễn Thị U đã đại diện Công ty TC ký Hợp đồng tín dụng số 659 với Ngân hàng để vay theo hạn mức. Như vậy, các biên bản giao giấy tờ, hồ sơ, tài liệu giữa Văn phòng Thừa phát lại LTQ và ông Trần Minh Tr đều thể hiện việc ông Trần Minh Tr đã kiểm tra, nhận đủ các giấy tờ và cam kết giao lại tận tay cho các đương sự. Do ông Tr là Phó giám đốc Công ty TC, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U (người đại diện theo pháp luật của Công ty TC) nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Tr là đúng trình tự thủ tục tố tụng.

[2.2] *Đối với nội dung kháng nghị về lãi suất, vi phạm tính lãi chồng lãi:*

Kháng nghị nhận định *“Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Bảng tính gốc, lãi, lãi phạt đến hết ngày 30/3/2020 do Ngân hàng cung cấp nhưng không tiến hành thẩm định, xem xét lại Bảng chiết tính nêu trên, tuyên buộc Công ty TC phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi trong hạn là 4.003.892.000 đồng, lãi quá hạn là 1.762.469.000 đồng là không có cơ sở”*.

Đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như Hợp đồng tín dụng, hợp đồng sửa đổi, bổ sung, Giấy nhận nợ; xét thấy Công ty TC đã nhận tiền của Ngân hàng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/năm và tại các Giấy nhận nợ số 168 - 188B thể hiện *“Lãi suất cố định là 5%/năm”*; tại các Giấy nhận nợ số 189 - số 214 thể hiện *“Lãi suất cố định là 4,5%/năm”*. Nguyên đơn là Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở Công ty TC trả nợ nhưng Công ty TC vẫn không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại mục 1.2 Điều 1 của Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 18/9/2020, Ngân hàng và Công ty TC đã sửa đổi khoản 3.3 Điều 3 thành *“Ngay khi khách hàng bị chuyển nợ nhóm 2 hoặc nợ xấu. Ngân*

*hàng chuyển sang áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo quy định của VCB đối với thời hạn cho vay còn lại và các khoản giải ngân tiếp theo của Hợp đồng cho vay đã ký còn hiệu lực giải ngân”. Theo Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn số 01/TB-QLN ngày 19/11/2020 và Thông báo lãi suất số 02/TB-QLN ngày 18/8/2021 thì Ngân hàng đã thông báo cho Công ty TC biết về số dư nợ gốc mà Công ty TC không trả được nợ đúng hạn bị chuyển thành nợ quá hạn nên việc Ngân hàng áp dụng tính lãi suất cho vay thông thường 5,7% trên Bảng tính gốc, lãi, lãi phạt đến hết ngày 30/3/2022 là phù hợp.*

[2.3] Theo Điều 3 về lãi suất cho vay của Hợp đồng tín dụng số 659; Ngân hàng và Công ty TC đã thỏa thuận các khoản lãi mà bên vay phải trả là: lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị quá hạn (150% lãi suất cho vay trong hạn); lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả (10% tính trên số dư lãi chậm trả) nên cách tính lãi suất của Ngân hàng kể từ ngày Công ty TC được thông báo về chuyển nợ quá hạn ngày 19/11/2020 đến ngày 30/3/2022 là phù hợp theo khoản 5 Điều 466. Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”* và điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Lãi suất:

*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*



*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.*

Như vậy, lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn (150% lãi suất cho vay trong hạn) là lãi suất tính trên nợ gốc (lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn) được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hai loại lãi này khác với lãi chậm trả tính trên lãi trả không đúng hạn được Ngân hàng và Công ty TC thỏa thuận tại Mục 3.3 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 659 có nội dung “Mức lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả” được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Trên cơ sở lập luận đã nêu, xét thấy Kháng nghị nhận định “Ngân hàng áp dụng lãi suất đối với Dư nợ gốc bị quá hạn (150% lãi suất cho vay trong hạn) và lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả (10% tính trên số dư lãi chậm trả) thì Công ty TC phải chịu lãi chồng lãi là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC quy định “nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn...” vì tính lãi suất quá hạn (150% lãi suất cho vay trong hạn) cũng là hình thức phạt đối với hành vi không trả nợ đúng hạn” là không có cơ sở chấp nhận. Trong trường hợp này, Ngân hàng tính lãi suất và buộc Công ty TC phải chịu lãi chậm trả (10% tính trên số dư lãi chậm trả) là phù hợp với nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 659, phù hợp quy định pháp luật.

[2.5] Đối với nội dung xác định tài sản bảo đảm:

Kháng nghị nhận định “Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đối với hai tài sản mà Công ty TC đã thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 576/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019; Quyền đòi nợ từ các đối tác/hợp đồng theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 577/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019 là có thiếu sót”.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên xử lý tài sản đảm bảo Công ty TC đã thế chấp là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm, tại Công văn số 56/VB-VLO.KH ngày 30/5/2023, Ngân hàng đã xác định: “đây là tài sản hình thành trong tương lai, dùng chính tài sản vay nợ từ Ngân hàng để hình thành và cũng là hàng hóa luân chuyển để kinh doanh của Doanh nghiệp nên Ngân hàng xét thấy không yêu cầu

đối với Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 576/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019 và Quyền đòi nợ từ các đối tác/hợp đồng theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 577/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019. Nếu sau này các tài sản đảm bảo khác không đủ để trả nợ thì Ngân hàng cũng không yêu cầu xử lý đối với hai hợp đồng thế chấp nêu trên”. Do Ngân hàng không có yêu cầu xử lý đối với hai tài sản trên và việc không yêu cầu này không làm phát sinh nghĩa vụ hoặc gây bất lợi cho các đương sự trong vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nên quyền, lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bên bảo lãnh thế chấp không bị ảnh hưởng nên không cần thiết hủy Bản án sơ thẩm đối với nội dung này theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 325, Điều 337, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 201/QĐ-VKS-KDTM ngày 31/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ghi nhận Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT Việt Nam không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 576/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019 và thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ từ các đối tác/hợp đồng theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 577/HĐTC-VLO.KH ký ngày 23/12/2019.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V, đối với vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT Việt Nam, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xăng dầu TC và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên và địa chỉ nêu tại trang 2 của Quyết định này.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Chánh án (để báo cáo);
  - Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
  - VKSNDCC tại TP.HCM (để biết);
  - TAND Tp V, tỉnh V;
  - Chi cục THADS Tp V, tỉnh V
  - Các đương sự (theo địa chỉ);
  - Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA.
- (ĐVP)

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Xuân**

